TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 172/2018/DS-PT Ngày: 30/01/2018 V/v Tranh chấp thừa kế và hủy giấy chứng tử	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Võ Thị Mỹ Hạnh**

2/ Ông **Nguyễn Khắc Vương**

- Thư ký phiên toà: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Vĩnh Hưng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 và ngày 30/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2017/TLPT-DS ngày 12/4/2017 về việc "Tranh chấp thừa kế và hủy giấy chứng tử";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 87/2017/DS-ST ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3088/2017/QĐ-PT ngày 18/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị N**, sinh năm 1965

Địa chỉ: 124A Đường L (số mới 03 Đường Q), Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Đình T1**, sinh năm 1956

Địa chỉ: 28 đường T, Phường 13, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2015)

Bị đơn:

1. Ông **Đoàn Văn T2**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 639 (số cũ 71) Đường L, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đoàn Thị A2**, sinh năm 1963

Địa chỉ: số 136/50 Đường T, phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2018)

2. Ông **Đoàn Văn A1**, sinh năm 1958

Địa chỉ: số 01 Đường T, phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đoàn Thị A2**, sinh năm 1963

Địa chỉ: số 136/50 Đường T, phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Đoàn Thị Đ**, sinh năm 1954

Địa chỉ: 01 ấp NL, xã PL, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Đoàn Thị A2**, sinh năm 1963

(Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2011)

3. Bà **Đoàn Thị T3**, sinh năm 1955

Địa chỉ: 01, tổ 7, ấp NL 3, xã PT, huyện P, tỉnh Đồng Nai

4. **UBND Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N

(Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2016)

Người kháng cáo: bà Đoàn Thị N là nguyên đơn, ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1 là bị đơn, bà Đoàn Thị T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Đoàn Thị N là con của ông Đoàn Văn C1 (sinh năm 1926 – chết năm 2005) và bà Võ Thị C2 (sinh năm 1927- chết năm 2010). Ông C1 và bà C2 có tài sản chung là căn nhà 124A Đường L, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi chết ông C1 không để lại di chúc. Sau đó bà C2 có để lại di

chúc để lại toàn bộ tài sản của bà bao gồm phần tài sản bà sở hữu và phần tài sản bà được thừa kế của ông C1 trong căn nhà trên cho bà N. Nay bà N yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà 124A Đường L Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo di chúc của bà C2 và phần thừa kế của ông C1 theo quy định pháp luật.

Về tiền sửa chữa nhà bà không yêu cầu.

Yêu cầu hủy giấy chứng tử số 57, quyển số 01/2010 mang tên bà Võ Thị C2 do UBND Phường M, Quận B cấp ngày 24/6/2010.

Bị đơn ông Đoàn Văn T2 trình bày:

Trước đây, bà N có cam kết nuôi mẹ là bà Võ Thị C2 nhưng sau đó lại bỏ mẹ không chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị thực hiện theo di chúc do cha mẹ và 06 anh em cùng ký ngày 18/3/2003, căn nhà chỉ được dùng vào việc thờ cúng và ở chứ không được mua bán. Bác bỏ toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của bà N. Việc bà N đến UBND Phường M, Quận B đề nghị cấp giấy chứng tử của mẹ nhưng khai man tên bà Đoàn Thị Đ đi khai tử là trái quy định pháp luật, hai giấy chứng tử ghi hai ngày chết khác nhau là không đúng.

Ông Đoàn Văn A1 trình bày:

Năm 2000, cha mẹ ông đã mua cho bà N một lô đất ở ấp 6, Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân. Do bà N lười lao động nên năm 2003 cha mẹ ông có tập trung các con lại làm tờ di chúc để cho bà N được ở, không được mua bán, thế chấp, sang nhượng, mọi sự tranh chấp về sau không có giá trị nên cha mẹ và các anh em đã đồng ý ký vào, bản chính do bà N giữ và photo cho các anh em mỗi người giữ một bản.

Năm 2005, ông C1 mất; bà N đã xúi giục anh em cho mướn căn nhà trên, bà N đưa mẹ về Đồng Nai, lấy tiền thuê nhà để xây nhà ở Bình Tân. Ông là người ở kế bên căn nhà 03 Đường Q, ông là người có trách nhiệm lo việc thờ cúng, tu bổ. Nay ông không đồng ý chia thừa kế vì là nhà thờ cúng, ông không hề biết di chúc do bà N đưa ra vì di chúc trên chưa công bố nên không được công nhận.

Đối với giấy chứng tử được lập tại UBND Phường M, Quận B ông không đồng ý hủy vì đó là cơ sở chứng minh bà N có hành vi gian dối, làm giả giấy chứng tử, khai man, giả chữ ký của Bà Đ. Bà N đã lừa dối cha mẹ, anh em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Thị A2 trình bày: Bà đồng ý chia tài sản theo di chúc như yêu cầu của bà N và yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của bà N về việc hủy giấy chứng tử của bà Võ Thị C2 lập tại UBND Phường M, Quận B ngày 24/6/2010 bà đồng ý.

Đại diện của bà Đoàn Thị Đ trình bày: thống nhất với ý kiến trình bày của Bà A2 và yêu cầu hưởng thừa kế theo quy định pháp luật; đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng tử của bà Võ Thị C2 lập tại UBND Phường M, Quận B ngày 24/6/2010.

Bà Đoàn Thị T3 trình bày: bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà N vì theo di chúc do cha mẹ để lại có 06 anh em cùng ký vào thì căn nhà trên phải được giữ lại để làm nhà thờ cúng, không được mua bán. Bà không đồng ý yêu cầu hủy một giấy chứng tử của bà C2 được lập tại UBND Phường M, Quận B.

Đại diện của UBND Phường M, Quận B trình bày: giấy chứng tử số 57, quyển số 01/2010 mang tên bà Võ Thị C2 mất ngày 06/6/2010 do UBND Phường M, Quận B cấp ngày 24/6/2010 được dựa trên thông tin của bà Đoàn Thị Đ (con ruột bà C2) là hoàn toàn hợp lệ vì giấy chứng tử được cấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục.

Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2017/DS-ST ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị N về việc yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc của bà Võ Thị C2 và hưởng thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản của ông Đoàn Văn C1.

Căn nhà số 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L), Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được phát mãi để chia thừa kế cho ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị A2 và bà Đoàn Thị N.

Sau khi trừ các chi phí theo quy định pháp luật thì ½ giá trị căn nhà 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông C1 được chia làm 07 phần: ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị A2 mỗi người được một kỷ phần, bà N được nhận 02 phần; ½ giá trị căn nhà còn lại là di sản của bà Võ Thị C2 do bà N được nhận theo di chúc của bà Võ Thị C2.

2. Hủy giấy chứng tử số 57, quyển số 01/2010 mang tên bà Võ Thị C2 chết ngày 06/6/2010 do UBND Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2010.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/3/2017, nguyên đơn bà Đoàn Thị N kháng cáo đề nghị được nhận toàn bộ di sản là căn nhà số 03 Đường Q (124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và giao lại tiền cho các đồng thừa kế khác; bị đơn ông Đoàn Văn T2, Đoàn Văn A1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn

Thị T3 kháng cáo không đồng ý phân chia di sản như bản án dân sự sơ thẩm số 87/2017/DS-ST ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày: cha mẹ bà là ông Đoàn Văn C1 và bà Võ Thị C2 có tất cả 06 người con chung gồm: Đoàn Văn T2, Đoàn Văn A1, Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị T3, Đoàn Thị A2, Đoàn Thị N; không ai có con riêng, con nuôi và cũng không còn cha mẹ. Căn nhà số 03 Đường Q (124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông C1 – bà C2 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tháng 9/2005, ông C1 chết không lập di chúc. Tháng 12/2005, bà C2 lập di chúc tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh để lại tài sản bà C2 được hưởng từ phần di sản của ông C1 và tài sản của bà C2 cho bà được hưởng. Năm 2010, bà C2 chết. Ông A1, ông T2 đuổi bà ra khỏi nhà không cho ở và ông A1 quản lý nhà từ đó cho đến nay. Hiện tại bà vẫn còn hộ khẩu ở căn nhà này. Trước đây, lúc cha mẹ còn sống bà có bỏ tiền ra sửa chữa nhà nhưng không yêu cầu trả lại tiền sửa chữa. Ngoài ra, lúc bà C2 chết do bà C2 có hộ khẩu ở 02 nơi (ở xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và ở Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên các con đã khai và được cấp 02 giấy chứng tử ở cả 02 nơi. Theo yêu cầu của bà, Tòa án hủy bỏ 01 giấy chứng tử số 57, quyển số 01/2010 mang tên Võ Thị C2 chết ngày 06/6/2010 của UBND Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2010. Bà rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đề nghị y án sơ thẩm.

Bị đơn ông Đoàn Văn A1 thừa nhận lời khai về quan hệ huyết thống, về tài sản chung của cha mẹ như bà N trình bày là đúng, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý phân chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với căn nhà số 03 Đường Q (124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vì căn nhà trên của cha mẹ để lại dùng vào việc thờ cúng, không được bán hoặc sang nhượng theo Giấy ủy quyền của Ông Đoàn Văn C1 lập ngày 18/3/2003. Ông xác nhận mẹ ông là bà Võ Thị C2, đã mất vào năm 2005 hiện có 02 giấy chứng tử nhưng ông không đồng ý hủy bỏ một giấy chứng tử theo yêu cầu của bà N. Về kết quả định giá của Tòa án Quận B ông không đồng ý nhưng không yêu cầu định giá lại.

Đồng bị đơn ông Đoàn Văn T2 (có bà Đoàn Thị A2 đại diện theo ủy quyền) thừa nhận lời khai về quan hệ huyết thống, về tài sản chung của cha mẹ như bà N trình bày là đúng. Ông rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đề nghị y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Thị A2, Đoàn Thị Đ (có bà Đoàn Thị A2 đại diện theo ủy quyền) thừa nhận lời khai về quan hệ huyết thống, về tài sản chung của cha mẹ như bà N trình bày là đúng. Bà đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị T3 thừa nhận lời khai về quan hệ huyết thống, về tài sản chung của cha mẹ như bà N trình bày là đúng, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý phân chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với căn nhà số 03 Đường Q (124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu hủy bỏ giấy chứng tử theo yêu cầu của bà N.

Đại diện UBND Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị N, bị đơn ông Đoàn Văn T2 rút đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đối với kháng cáo của ông A1, bà T3, xét thấy: cha mẹ của các ông bà là ông Đoàn Văn C1 và bà Võ Thị C2 có tất cả 06 người con. Ông C1 chết năm 2003 không lập di chúc. Năm 2005 bà C2 có lập di chúc tại Phòng Công chứng. Về giấy ủy quyền của ông C1 lập ngày 28/3/2003, sau khi ông C1 chết ủy quyền hết hiệu lực.

Về nội dung và hình thức di chúc của bà C2 là hợp pháp để làm cơ sở chia thừa kế. Vì các đồng thừa kế không có yêu cầu nhận hiện vật nên cấp sơ thẩm tuyên phát mãi căn nhà để chia cho các đồng thừa kế theo cách chia như Tòa án cấp sơ thẩm là chính xác. Về giấy chứng tử của bà Võ Thị C2, bà C2 đã chết có 02 giấy chứng tử, trong đó có một giấy chứng tử của UBND Phường M, Quận B sai ngày chết nên bà N yêu cầu Tòa án hủy là có căn cứ pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị N, ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3 làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương

sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đại diện UBND Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị N, đồng bị đơn ông Đoàn Văn T2 có yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo. Xét, việc rút kháng cáo của bà N, ông T2 là tự nguyện, không trái quy định pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo đã rút.

[2] Xét kháng cáo của ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai các đương sự trong vụ án đều thống nhất: cha mẹ các ông bà là cụ Đoàn Văn C1 (chết ngày 03/10/2005) – cụ Võ Thị C2 (chết năm 2010) có tất cả 06 người con chung gồm ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị T3, bà Đoàn Thị A2, bà Đoàn Thị N. Cụ C1, cụ C2 không có con riêng, con nuôi; cha mẹ các cụ cũng không còn. Căn nhà tọa lạc số 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 2099/GP-UB của UBND Quận B cấp ngày 11/5/1992 đứng tên Đoàn Văn C1 là tài sản chung của cụ C1 và cụ C2 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 18/3/2003, cụ C1 có lập giấy ủy quyền với nội dung *"ủy quyền căn nhà này cho con tôi là Đoàn Thị N... được quyền sử dụng căn nhà này nhưng không được quyền bán hoặc sang nhượng. Mọi sự tranh chấp về sau không có giá trị"*. Giấy ủy quyền có đủ chữ ký các người con (trừ bà N) của cụ C1. Ngày 03/10/2005, cụ C1 chết nhưng không lập di chúc. Ngày 06/12/2005, tại Phòng Công chứng số 04, Thành phố Hồ Chí Minh; cụ C2 lập di chúc , nội dung di chúc cụ C2 để lại phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ C1 và phần tài sản cụ C2 được hưởng thừa kế của cụ C1 trong căn nhà số 124A Đường L (số mới 03 Đường Q), Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà N được hưởng.

Ngày 07/6/2010, cụ C2 chết. Ông A1, bà T3 không đồng ý chia di sản theo di chúc của cụ C2 lập ngày 06/12/2005. Theo ý kiến ông A1, bà T3 thì căn nhà số 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không được phân chia mà để lại vào việc thờ cúng, giao lại cho bà N được ở không được quyền bán hoặc sang nhượng theo giấy ủy quyền lập ngày 18/3/2003 của cụ C1. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định giấy ủy quyền nêu trên đã chấm dứt theo qui định tại khoản 4, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2005 là có căn cứ, bởi lẽ bên ủy quyền là cụ Đoàn Văn C1 đã chết vào năm 2005.

Xét, di chúc do cụ Võ Thị C2 lập ngày 06/12/2005 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi thành văn bản, có 02 người làm chứng, lăn tay điểm chỉ trước mặt Công chứng viên, thời điểm lập di chúc Công chứng viên chứng nhận cụ C2 minh mẫn , không bị lừa dối hoặc cưỡng ép, nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ ông T2 có cung cấp các chứng cứ cho rằng bà N ép buộc cụ C2 lập di chúc có lợi cho bà N. Tuy nhiên xét các chứng cứ của ông T2 cung cấp chưa đủ cơ sở xác định cụ C2 bị bà N lừa dối hoặc cưỡng ép. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông T2 đã rút kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên việc phân chia di sản như bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005 thì di chúc cụ C2 lập là hợp pháp. Theo đó, bà N được hưởng di sản của cụ C2 là ½ giá trị căn nhà số 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 kỷ phần của cụ C2 được nhận từ di sản của cụ C1. Phần di sản của cụ C1 là ½ giá trị căn nhà nêu trên được chia cho 07 đồng thừa kế là: cụ C2, ông A1, ông T2, bà T3, Bà Đ, Bà A2, bà N. Theo kết quả định giá ngày 01/8/2013 thì căn nhà số 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có giá 2.247.656.600 đồng, các đương sự không khiếu nại về kết quả định giá. Riêng ông A1 không đồng ý kết quả định giá nhưng cũng không yêu cầu định giá lại. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tính theo kết quả định giá ngày 01/8/2013. Như vậy:

- Phần di sản của cụ Đoàn Văn C1 là 2.247.656.600 đồng : 2= 1.123.828.300 đồng. Các đồng thừa kế của cụ C1 mỗi người được hưởng 1.123.828.300 đồng :7= 160.546.900 đồng

- Bà N được hưởng 1.123.828.300 đồng + (160.546.900 đồng x 2) = 1.444.922.100 đồng

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào các quy định pháp luật đã viện dẫn, xác định phần di sản các đồng thừa kế được hưởng là đúng qui định nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A1, bà T3 không đồng ý phân chia di sản thừa kế đối với căn nhà số 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, yêu cầu của ông A1, bà T3 không đồng ý hủy bỏ giấy chứng tử số 57, quyển số 01/2010 mang tên bà Võ Thị C2 chết ngày 06/6/2010 do UBND Phường M, Quận B cấp ngày 24/6/2010.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất khai nhận mẹ của các ông bà là Võ Thị C2 thực tế đã chết vào ngày 07/6/2010. Khi còn sống cụ C2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 71 Đường L, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và tại ấp Ngọc Lâm 3, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Mai. Khi cụ C2 chết, các con cụ C2 có khai báo để cấp giấy chứng tử tại 2 nơi cụ C2 có hộ khẩu thường trú là UBND xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh

Đồng Nai và UBND Quận 10, Quận B. Do đó, cụ C2 đã có 02 giấy chứng tử, trong đó có giấy chứng tử do UBND Phường M, Quận B cấp không đúng với ngày chết của cụ C2 nên bà N yêu cầu Tòa án hủy bỏ là có cơ sở quy định tại Nghị định 58/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch. Yêu cầu kháng cáo của ông A1, bà T3 không đồng ý hủy giấy chứng tử do UBND Phường M, Quận B cấp ngày 24/6/2010 mang tên cụ Võ Thị C2, chết ngày 06/6/2010 là không có căn cứ chấp nhận.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận như đã nhận định, phân tích ở trên.

Án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo qui định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 646, Điều 652, Điều 667, Điều 684 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 24, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộ;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị N, ông Đoàn Văn T2.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị N về việc yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc của bà Võ Thị C2 và hưởng thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản của ông Đoàn Văn C1.

Căn nhà số 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L), Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được phát mãi để chia thừa kế cho ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị A2 và bà Đoàn Thị N.

Sau khi trừ các chi phí theo quy định pháp luật thì ½ giá trị căn nhà 03 Đường Q (số cũ 124A Đường L) Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông C1 được chia làm 07 phần: ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn

A1, bà Đoàn Thị T3, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị A2 mỗi người được một kỷ phần, bà N được nhận 02 phần; ½ giá trị căn nhà còn lại là di sản của bà Võ Thị C2 do bà N được nhận theo di chúc của bà Võ Thị C2.

2. Hủy giấy chứng tử số 57, quyển số 01/2010 mang tên bà Võ Thị C2 chết ngày 06/6/2010 do UBND Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2010.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị A2 mỗi người phải nộp 8.027.345(Tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi lăm) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Bà Đoàn Thị N phải nộp 55.347.663 (Năm mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi ba) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.816.425 (Sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06457 ngày 04/4/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0010711 ngày 24/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Bà N phải nộp thêm 48.531.238 (Bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị N, ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Văn A1, bà Đoàn Thị T3 mỗi người phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại biên lai thu số 0012322 ngày 20/3/2017, cấn trừ tiền tạm ứng án phí ông T2 đã nộp tại biên lai thu số 0012328 ngày 20/3/2017, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông A1 đã nộp tại biên lai thu số 0012323 ngày 20/3/2017, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T3 đã nộp tại biên lai thu số 0012324 ngày 20/3/2017 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Các ông bà đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
-Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Toà án nhân dân Quận B,TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B,TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Toà án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận B, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN **THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**